

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM  
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 07

Tổ :

Trang 1/3

Mã nhận dạng 01047

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 2 - 07-213604

CBGD: Võ Phúc Anh Vũ

| STT | Mã SV    | Họ và tên              | LỚP      | ký tên         | Số tờ | Đ 1 (%) | Đ 2 (%) | Điểm thi | Điểm T. kết | Tô tròn điểm phần nguyên | Tô tròn điểm phần lẻ |
|-----|----------|------------------------|----------|----------------|-------|---------|---------|----------|-------------|--------------------------|----------------------|
| 1   | 14125567 | NGUYỄN QUÝ BÌNH        | DH14BQNT | <i>Thb</i>     | 1     | 7.0     |         | 7.3      | 7.2         |                          |                      |
| 2   | 14125568 | NGUYỄN HOÀNG DANH      | DH14BQNT | <i>gaut</i>    | 1     | 8.3     |         | 7.6      | 7.8         |                          |                      |
| 3   | 14125571 | QUẢNG THỊ KIM DUNG     | DH14BQNT | <i>Phu</i>     | 1     | 6.8     |         | 7.9      | 7.6         |                          |                      |
| 4   | 14125574 | ĐỖ THỊ XUÂN HIỀN       | DH14BQNT |                |       |         |         |          |             |                          |                      |
| 5   | 14125575 | NGUYỄN NGỌC HUY        | DH14BQNT | <i>Khuo</i>    | 1     | 7.3     |         | 4.4      | 5.3         |                          |                      |
| 6   | 14125576 | PHAN HẬU HƯNG          | DH14BQNT |                |       |         |         |          |             |                          |                      |
| 7   | 14125577 | DƯƠNG THỊ KIM LIÊN     | DH14BQNT | <i>lunc</i>    | 1     | 7.5     |         | 8.3      | 8.1         |                          |                      |
| 8   | 14125578 | TẠ THỊ ANH MAI         | DH14BQNT | <i>mar</i>     | 1     | 8.8     |         | 8.5      | 8.6         |                          |                      |
| 9   | 14125579 | LÊ NHÃ PHONG           | DH14BQNT | <i>phf</i>     | 1     | 8.0     |         | 7.6      | 7.7         |                          |                      |
| 10  | 14125580 | VÕ MINH THỂ            | DH14BQNT | <i>minh th</i> | 1     | 7.3     |         | 6.2      | 6.5         |                          |                      |
| 11  | 14125581 | TRẦN THỊ KIM THOA      | DH14BQNT | <i>Th</i>      | 1     | 8.0     |         | 8.0      | 8.0         |                          |                      |
| 12  | 14125582 | NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG | DH14BQNT | <i>Thua</i>    | 1     | 9.0     |         | 8.4      | 8.6         |                          |                      |
| 13  | 14125583 | TRẦN AN XUÂN           | DH14BQNT | <i>mar</i>     | 1     | 7.8     |         | 8.5      | 8.3         |                          |                      |
| 14  | 14125665 | HÀNG QUỲNH ANH         | DH14BQNT | <i>anh</i>     | 1     | 9.0     |         | 8.2      | 8.4         |                          |                      |
| 15  | 14125668 | PHẠM THANH QUỲNH CHI   | DH14BQNT | <i>chi</i>     | 1     | 7.3     |         | 7.6      | 7.5         |                          |                      |
| 16  | 14125670 | MAI THỊ THỦY DUNG      | DH14BQNT | <i>Phuy</i>    | 1     | 7.3     |         | 7.7      | 7.6         |                          |                      |
| 17  | 14125673 | PHAN HẢI ĐĂNG          | DH14BQNT | <i>Phai</i>    | 1     | 7.5     |         | 7.9      | 7.8         |                          |                      |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM  
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 07

Tổ :

Trang

Mã nhận dạng 01047

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 2 - 07-213604

CBGD: Võ Phúc Anh Vũ

| STT  | Mã SV    | Họ và tên             | LỚP      | ký<br>tên              | Số<br>tờ | Đ 1<br>( %) | Đ 2<br>( %) | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô tròn điểm phần nguyên | Tô tròn điểm phần lẻ |
|------|----------|-----------------------|----------|------------------------|----------|-------------|-------------|-------------|----------------|--------------------------|----------------------|
| 18   | 14125675 | LÊ THỊ HẠNH           | DH14BQNT | <i>Hanh</i>            | 1        | 8.0         |             | 7.0         | 7.3            |                          |                      |
| 19   | 14125676 | VÕ THỊ MỸ HẠNH        | DH14BQNT | <i>Mỹ Hạnh</i>         | 1        | 5.0         |             | 6.8         | 6.3            |                          |                      |
| ✓ 20 | 14125679 | PHAN THỊ HIỀN         | DH14BQNT | <i>Hiền</i>            |          |             |             |             |                |                          |                      |
| 21   | 14125683 | TRẦN QUỐC HÙNG        | DH14BQNT | <i>Quốc Hùng</i>       | 1        | 8.3         |             | 8.7         | 8.6            |                          |                      |
| 22   | 14125687 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LỘC | DH14BQNT | <i>Phương</i>          | 1        | 8.3         |             | 7.7         | 7.9            |                          |                      |
| 23   | 14125690 | LÊ THỊ BÍCH NGÀ       | DH14BQNT | <i>Bích</i>            | 1        | 7.0         |             | 7.8         | 7.6            |                          |                      |
| 24   | 14125691 | TRỊNH CÔNG NHẬT       | DH14BQNT | <i>Trịnh Công Nhật</i> | 1        | 8.0         |             | 7.6         | 7.7            |                          |                      |
| 25   | 14125692 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI    | DH14BQNT | <i>Yến Nhi</i>         | 1        | 4.3         |             | 7.3         | 6.4            |                          |                      |
| ✓ 26 | 14125696 | HOÀNG HẢI PHÚ         | DH14BQNT |                        |          | 8.0         |             |             |                |                          |                      |
| 27   | 14125699 | LÊ HỒNG PHƯỚC         | DH14BQNT | <i>Phước</i>           | 1        | 8.0         |             | 7.9         | 7.9            |                          |                      |
| ✓ 28 | 14125700 | PHẠM THỊ QUỲNH QUYÊN  | DH14BQNT |                        |          |             |             |             |                |                          |                      |
| 29   | 14125703 | TẠIN THỊ SỚM          | DH14BQNT | <i>Sớm</i>             | 1        | 5.5         |             | 5.7         | 5.6            |                          |                      |
| 30   | 14125705 | NGUYỄN THỊ THẢO       | DH14BQNT | <i>Thảo</i>            | 1        | 7.5         |             | 7.0         | 7.2            |                          |                      |
| 31   | 14125707 | NGUYỄN TẤN THẮNG      | DH14BQNT | <i>Thắng</i>           | 1        | 7.0         |             | 5.8         | 6.2            |                          |                      |
| ✓ 32 | 14125708 | VÕ THỊ KIM THI        | DH14BQNT |                        |          | 7.3         |             |             |                |                          |                      |
| 33   | 14125709 | NGUYỄN THỊ THUYỀN     | DH14BQNT | <i>Thuyền</i>          | 1        | 7.8         |             | 8.5         | 8.3            |                          |                      |
| 34   | 14125711 | CAO THỊ HUYỀN TRANG   | DH14BQNT | <i>Trang</i>           | 1        | 7.8         |             | 8.4         | 8.2            |                          |                      |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM  
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 07

Tổ :

Trang 3/3

Mã nhận dạng 01047

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC  
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Anh văn 2 - 07-213604

CBGD: Võ Phúc Anh Vũ

| STT  | Mã SV    | Họ và tên        | LỚP   | ký tên   | Số<br>tờ      | Đ 1<br>( % ) | Đ 2<br>( % ) | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Tô tròn điểm phần nguyên | Tô tròn điểm phần lẻ |
|------|----------|------------------|-------|----------|---------------|--------------|--------------|-------------|----------------|--------------------------|----------------------|
| 35   | 14125712 | NGUYỄN THỊ THANH | TRANG | DH14BQNT | <i>Thanh</i>  | 1            | 7.8          | 8.5         | 8.4            |                          |                      |
| 36   | 14125713 | HUỖNH ĐẶNG THANH | TRÂM  | DH14BQNT | <i>Tram</i>   | 1            | 7.8          | 8.7         | 8.4            |                          |                      |
| 37   | 14125714 | TRẦN NGỌC TỔ     | TRÂM  | DH14BQNT | <i>Nunght</i> | 1            | 6.8          | 7.2         | 7.1            |                          |                      |
| 38   | 14125715 | TRẦN THỊ NGỌC    | TRÂM  | DH14BQNT | <i>Tran</i>   | 1            | 7.0          | 8.2         | 7.8            |                          |                      |
| 39   | 14125716 | TRƯƠNG THỊ MỸ    | TRÂM  | DH14BQNT | <i>Mytham</i> | 1            | 7.8          | 7.7         | 7.7            |                          |                      |
| 40   | 14125717 | VÕ THỊ THANH     | TRÂM  | DH14BQNT | <i>Thanh</i>  | 1            | 6.3          | 5.9         | 6.0            |                          |                      |
| ✓ 41 | 14125718 | HUỖNH MINH       | TRỌNG | DH14BQNT |               |              |              |             |                |                          |                      |
| 42   | 14125720 | VÕ THỊ BÍCH      | VÂN   | DH14BQNT | <i>Bich</i>   | 1            | 6.5          | 7.4         | 7.1            |                          |                      |
| 43   | 14125723 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ | Ý     | DH14BQNT | <i>Nhu</i>    | 1            | 6.8          | 7.2         | 7.1            |                          |                      |
| 44   | 14125766 | LÊ VIỆT          | HÀ    | DH14BQNT | <i>Vi</i>     | 1            | 8.5          | 7.4         | 7.7            |                          |                      |
| 45   | 14125767 | HUỖNH THỊ        | HẠNH  | DH14BQNT | <i>Hanh</i>   | 1            | 8.8          | 7.7         | 8.0            |                          |                      |
| 46   | 14125768 | LÊ TRẦN MINH     | TRÍ   | DH14BQNT | <i>Minh</i>   | 1            | 8.5          | 8.8         | 8.7            |                          |                      |
| 47   | 14125770 | TRỊNH MINH       | THÀNH | DH14BQNT | <i>Minh</i>   | 1            | 6.8          | 7.9         | 7.6            |                          |                      |

Số lượng vắng: 7 Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

*Thanh*

*Minh*  
Lê Thị Bạch Mai

*Võ Phúc Anh Vũ*